

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-02-2022

V/v trA chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ân

2. Ông Nguyễn Văn Quới

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số: 281/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc: “trA chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* A Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1983. “vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Kim N, sinh năm 1991 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1961 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã R, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2021 và các lời KH trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Anh và chị Đặng Kim N kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được 04 năm, quá trình chung sống không có hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn sống chung, chị N đã bỏ đi đến nay 02 năm 9 tháng. Nay anh xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân

không đạt nên yêu cầu ly hôn với chị N. Về con chung: Anh và chị N có một con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/3/2014 hiện đang sống chung với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của anh Hoàng A thì Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn chị Đặng Kim N nhưng bị đơn chị N không đến tham gia phiên họp và hòa giải được. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn chị N vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị N.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do; người làm chứng có văn bản xin vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho anh Nguyễn Hoàng A và chị Đặng Kim N ly hôn.

Giao con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/3/2014 cho anh Hoàng A tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi mỗi người con và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng A nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả trả lời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Hoàng A khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đặng Kim N, địa chỉ: ấp T, xã R, huyện K, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y. Do đó, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Đặng Kim N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng bà Huỳnh Thị H có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Hoàng A và chị Đặng Kim N thành hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyển số 01/2013 ngày 01/7/2014 nên hôn nhân của anh Hoàng A và chị N là hợp pháp và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh Nguyễn Hoàng A cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc. Anh Hoàng A và chị N không còn sống chung và chị N đã bỏ đi được 02 năm 9 tháng. Chị N không có ý kiến về việc ly hôn của anh Hoàng A. Xét lời trình bày của anh Hoàng A phù hợp với lời trình bày của người làm chứng mà Tòa án thu thập được. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa anh Hoàng A và chị N đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hoàng A là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Hoàng A và chị N có 01 con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/3/2014 hiện đang sống chung với anh Hoàng A. Theo yêu cầu nuôi con của anh Hoàng A thì chị N cũng không có ý kiến gì và từ khi chị N bỏ đi cho đến nay cháu K sống với anh Hoàng A cuộc sống cũng đảm bảo, cháu K cũng có nguyện vọng sống với anh Hoàng A nên tiếp tục giao cháu K cho anh Hoàng A nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng A là người trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh trA chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng A nộp 300.000đ án phí ly hôn do yêu cầu của Hoàng A chấp nhận theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng A.

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Nguyễn Hoàng A và chị Đặng Kim N được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/3/2014 cho anh Nguyễn Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đặng Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Hoàng A đã nộp theo biên lai thu số 0014007 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Thi hành án dân sự huyện K;
- Ủy ban nhân dân xã E, huyện U;
- (Giấy kết hôn số: 44, ngày 01/7/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong